TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Vinh
2. Ông Ngô Thanh Xuân

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: S, xã BA, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992 - *(Có mặt)*.

Địa chỉ: Thôn N, xã TL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn chị Đinh Thị H tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/5/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo trình bày:* Chị và anh Trần Văn T đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang ngày 28/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa Tận, hạnh phúc được vài tháng đầu. Nhưng sau đó thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân mâu Tẫn là do những bất đồng trong quan điểm sống, không cùng chí hướng, khác biệt quá nhiều về tính cách. Kể từ khi sinh con, mâu Tẫn vợ chồng càng trầm trọng do hai bên khác nhau về quan điểm nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau. Bản thân vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu Tẫn tương tự vẫn xảy ra. Kể từ tháng 3 năm 2020 vợ chồng sống ly thân, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 23/11/2018, hiện nay cháu M đang ở cùng chị và phát triển khỏe mạnh, khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân chị hiện nay sống cùng bố, mẹ đẻ, chị đang làm việc tại Công ty TNHH MOLDTECH có địa chỉ tại thôn Giang Liễu, xã Phương Liễu, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh mức lương là 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra có T nhập làm thêm giờ. Chị không nhất trí để anh T nuôi con vì vợ chồng chỉ có 1 con chung, hiện nay con chị còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa Tận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Văn T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 14/5/2020 và các lời khai tiếp theo*: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn,tình trạng mâu Tẫn giữa hai vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Trần Hà M, sinh ngày 23/11/2018, anh không nhất trí để chị H nuôi con vì lý do khi anh xuống thăm con nhưng chị H ngăn cấm, chị H đối xử với con không tốt, thường xuyên quát mắng con vô cớ, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu M, anh đề nghị Tòa án giao cháu M cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm ở công ty LUXSHARE ở khu công nghiệp Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang, có công việc, T nhập ổn định, mức lương là 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng khong hòa giải được do chị H có đơn xin vắng mặt trong buổi hòa giải.

* Tại phiên tòa:

Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và chị xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh T có mặt tại phiên tòa, anh giữ nguyên ý kiến của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa là đúng quy định

của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên nguyên đơn còn vắng mặt không có lý do tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/6/2020, bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/6/2020. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ 2 nhưng đã có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX xét xử là đúng. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho chị H được ly hôn anh T; Về con chung: Giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hà M, sinh ngày 23/11/2018. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Đinh Thị H cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Văn T hiện đang cư trú tại Thôn N, xã TL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang nên vụ án Tộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện LG.

[2].Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LG đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Trần Văn T đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện LG ngày 28/11/2017, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu Tẫn vợ chồng: Cả chị Đinh Thị H và anh Trần Văn T đều xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu Tẫn bất đồng, do tính cách, lối sống khác biệt, Tòa án đã tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án song chị H và anh T đều có quan điểm yêu cầu giải quyết ly hôn. Hiện nay chị H

và anh T sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. HĐXX thấy, tình trạng mâu Tẫn của chị H, anh T đã kéo dài, hai bên không mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị H và anh Trần Văn T ly hôn.

[4].Về con chung: Chị H và anh T trong quá trình chung sống có một con chung là Trần Hà M, sinh ngày 23/11/2018, hiện nay khỏe mạnh và đang ở cùng chị H. Cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con, HĐXX xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của người làm bố và người làm mẹ. Về điều kiện thực tế, chị H và anh T có nghề nghiệp, T nhập ổn định, đều có thể đảm đương được việc nuôi con. Anh T không nhất trí để chị H nuôi con vì lý do khi anh xuống thăm con anh bị chị H ngăn cấm, chị H đối xử với con không tốt, thường xuyên quát mắng con vô cớ nhưng anh T không có tài liệu chứng minh điều này. Hiện nay cháu M còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Đinh Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hà M. Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh T đóng góp nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung và không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Đinh Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đinh Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hà M, sinh ngày 23/11/2018. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai T số AA/2019/0002272 ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm